TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 01 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Trang Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H , sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn M , xã T , huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Thành Q , sinh năm 1976; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M , xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn T , xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Bùi Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Vũ Thị Thành Q kết hôn với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện T, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 67 đăng ký ngày 07 tháng 12 năm 1998). Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn bà Q .

- Về con chung: Ông H và bà Q có 02 con chung là Bùi Diễm Q sinh ngày 10 tháng 4 năm 2001 và Bùi Thị Đỗ Q , sinh ngày 05 tháng 02 năm 2006. Hai con chung đang ở với bà Q . Khi ly hôn ông H có nguyện vọng được nuôi cả hai chung, nhưng hiện nay hai con chung có nguyện vọng ở cùng với mẹ nên ông đồng ý để bà Q tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận với nhau, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông H và bà Q có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, nếu không xong sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Bị đơn bà Vũ Thị Thành Q mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để trình bầy quan điểm về việc ông Bùi Văn H có đơn xin ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về dân sự. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyền vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời khai của ông Bùi Văn H tại Tòa án phù hợp với bản sao giấy đăng ký kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung mà ông H đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T. Tài liệu xác minh tại địa

phương thể hiện vợ chồng ông H và bà Q có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khó có khả năng đoàn tụ. Lời khai của cháu Bùi Diễm Q và Bùi Thị Đỗ Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà Vũ Thị Thành Q hiện nay đang sinh sống tại xã T, đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án trình bầy quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là bà Vũ Thị Thành Q cư trú tại xã T, huyện T , thành phố Hải Phòng; bà Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà H đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 67 đăng ký ngày 07 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông H được ly hôn bà Q .

[3]. Về con chung: Ông Q và bà H có hai con chung tên là Bùi Diễm Q sinh ngày 10 tháng 4 năm 2001 và Bùi Thị Đỗ Q , sinh ngày 05 tháng 02 năm 2006. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, ông H và bà Q đều có đủ điều kiện nuôi con. Hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, hiện nay các con đang do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông H đồng ý để bà Q tiếp tục nuôi hai con chung. Vì vậy, giao cho bà Q trực tiếp nuôi cả hai con là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H trình bầy để ông và bà Q tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Ông H khai vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Mặt khác, bà Q chưa có lời trình bầy về tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Ông Bùi Văn H được ly hôn bà Vũ Thị Thành Q .

2. Về con chung: Giao cho bà Đỗ Thị Thành Q trực tiếp nuôi hai con chung là Bùi Diễm Q sinh ngày 10 tháng 4 năm 2001 và Bùi Thị Đỗ Q , sinh ngày 05 tháng 02 năm 2006 cho đến khi con Bùi Diễm Q và Bùi Thị Đỗ Q đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005742 ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông Bùi Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã T, Thủy Nguyên, Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý